

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày 15-9-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Duy Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Minh Thâm

2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lưu Công Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị T, sinh ngày: 23/4/1996 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Số căn cước công dân: 052196000338

Địa chỉ cư trú: Thôn C, xã X, tỉnh Gia Lai

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn T1, sinh ngày: 05/02/1995 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 052095015428

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố L, phường A, tỉnh Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tấn T1 quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian thì đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định (Nay là Ủy ban nhân dân phường A, tỉnh Gia Lai). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và lối sống, tính cách cả hai bên không hoà hợp nên thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù, vợ chồng nhiều lần hòa giải nhưng không được. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn và vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm cũng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Tấn T1.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Tấn T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Cao Kỳ D, sinh ngày 13/01/2016. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kỳ D. Hiện nay chị đang làm nhân viên văn phòng tại Công ty trách nhiệm hữu hạn, thu nhập hàng tháng ổn định nên chị đủ khả năng và điều kiện nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn T1 đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng anh T1 vắng mặt liên tục trong quá trình tố tụng nên không có bản tự khai và không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Cao Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T1, giao con chung là cháu Nguyễn Cao K Duyên cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, tỉnh Gia Lai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Cao Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Tấn T1 và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Tấn T1 đang cư trú tại tổ dân phố L, phường A, tỉnh Gia Lai nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật 85/2025/QH15 của Quốc hội ngày 25/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Cao Thị T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Tấn T1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chỉ nhận được các tài liệu, chứng cứ do chị T cung cấp, bị đơn anh Nguyễn Tấn T1 không đến Tòa để tham gia tố tụng nên coi như đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình, do đó bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị T và anh Nguyễn Tấn T1 tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định (nay là Ủy ban nhân dân phường A, tỉnh Gia Lai) nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T trình bày, do cả hai không phù hợp về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Chị T đã về nhà cha mẹ ruột tại thôn C, xã X, tỉnh Gia Lai sinh sống từ năm 2024 cho đến nay, còn anh T1 sống tại tổ dân phố L, phường A, tỉnh Gia Lai. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa nhiều lần tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để anh T1 đến Tòa khai báo, hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T1 cố tình vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình với chị T. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tình cảm giữa chị T và anh T1 thực sự không còn, khả năng hàn gắn là điều không thể, mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn T1 là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Cao Kỳ D, sinh ngày 13/01/2016, nếu ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu D còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Đồng thời từ lúc vợ chồng ly thân cho đến nay, chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị T có chỗ ở, công việc ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án, cháu D trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, sau khi xem xét các điều kiện, hoàn cảnh thực tế của người nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như sự phát triển bình thường của con chung và để cuộc sống, sinh hoạt hằng ngày của trẻ không bị xáo trộn nên Hội đồng xét xử giao cháu D cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Cao Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung: Chị Cao Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Cao Thị T phải chịu 300.000 đồng.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật 85/2025/QH15 của Quốc hội ngày 25/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Tuyết .

1. Về hôn nhân: Chị Cao Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T1.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là cháu Nguyễn Cao Kỳ D, sinh ngày 13/01/2016 cho chị Cao Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Cao Thị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Cao Thị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Cao Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị Cao Thị T đã nộp theo biên lai số 0000623 ngày 22 tháng 7 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Phòng GD,KT,TTr &THA-TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS Khu vực 2, tỉnh Gia lai;
- UBND phường An Nhơn Bắc (Số 10 ngày 22/02/2023);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Phương

